

Bản án số: 38/2017/HS-ST
Ngày 26 tháng 7 năm 2017

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH VĨNH PHÚC

Với thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên toà: Ông Lê Duy Giá.

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Nguyễn Thiệu Minh, bà Bùi Thị Bích Liên

Thư ký Toà án ghi biên bản phiên toà: Bà Nguyễn Thị Thanh Lan - Cán bộ Tòa án nhân dân tỉnh Vĩnh Phúc.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Vĩnh Phúc tham gia phiên toà: Bà Nguyễn Thị Thơm - Kiểm sát viên.

Ngày 26 tháng 7 năm 2017, tại trụ sở Toà án nhân dân tỉnh Vĩnh Phúc xét xử sơ thẩm vụ án hình sự thụ lý số: 38/2017/HSST ngày 26/6/2017 đối với bị cáo:

Sái Văn L, sinh ngày 10/6/1964, sinh trú quán: thôn H1, xã K, huyện D, tỉnh Vĩnh Phúc; nghề nghiệp: Làm ruộng; văn hoá 7/10; con ông Sái Văn T1, con bà Lê Thị L1; vợ Phạm Thị N, con có 02 con, con lớn SN 1988, con nhỏ SN 1992; tiền án, tiền sự: Không; bị cáo bị bắt tạm giữ, tạm giam từ ngày 27/01/2017 cho đến nay (có mặt).

Người bào chữa cho bị cáo Sái Văn L: Ông Dương Văn H2 và bà Nguyễn Đào T2, Luật sư thuộc Văn phòng Luật sư H3, Đoàn luật sư thành phố Hà Nội (có mặt).

Người bị hại: Anh Nguyễn Viết T3 (đã chết).

Người đại diện hợp pháp của người bị hại: Chị Liễu Thị B (vợ anh T3) trú tại: Thôn Đ1, xã K, huyện D, tỉnh Vĩnh Phúc (có mặt).

Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan:

- Anh Sái Văn L2, sinh năm 1988, trú tại: thôn H1, xã K, huyện D, tỉnh Vĩnh Phúc (có mặt).

- Anh Vũ Duy X, sinh năm 1988, trú tại: thôn C, xã K, huyện D, tỉnh Vĩnh Phúc (có mặt).

NHẬN THẤY

Bị cáo Sái Văn L bị Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Vĩnh Phúc truy tố về hành vi phạm tội như sau:

Khoảng 13 giờ 00 phút ngày 27/01/2017 (tức ngày 30 Tết nguyên đán Đinh Dậu) anh Sái Văn L2 lái xe taxi BKS: 88A - 107.17 dừng đỗ ở lề đường

QL 2B, dưới gầm cầu vượt đường cao tốc C1 thuộc địa phận thôn H5, xã K, huyện D, tỉnh Vĩnh Phúc thì có Vũ Duy X điều khiển xe mô tô BKS: 88K5 - 1986 đằng phía sau là cháu Nguyễn Ngọc P (SN: 2004) trú tại P. Tích Sơn, TP V, tỉnh Vĩnh Phúc đến nhờ L2 lái xe taxi đưa cháu P về nhà P. L2 trả lời là không nhận chở khách vì là ngày 30 tết nên X tiếp tục đi xe mô tô đằng cháu P về nhà. Do bức tức việc L2 không nhận chở cháu P nên X gọi điện rủ anh Nguyễn Viết T3 (SN: 1989) trú tại thôn Đ1, xã K đến nói chuyện với L2, T3 đồng ý. X đi xe mô tô đến đón T3, cả hai đi đến khu vực gầm cầu gặp L2. Khi đến nơi, T3 liền dùng tay tát vào mặt L2 làm L2 ngã xuống đất, sau đó T3 và X tiếp tục lao vào dùng chân, tay đấm, đá L2, nhưng L2 không đánh lại thì T3 và X thôi không đánh nữa và đi về. Trên đường về X và T3 gặp Dương Đức H4 (SN: 1994) và Hoàng Văn T5 (SN: 1983) đều trú tại xã K, huyện D đi trên xe ô tô BKS: 29A - 006.90 của T5 đi từ D ra V. H4 rủ X và T3 quay lại quán nước của ông Phạm Nghĩa H6 (SN: 1965) ở vỉa hè đường quốc lộ 2B, dưới gầm cầu vượt đường cao tốc C1 thuộc địa phận thôn H5, xã K uống nước thì X, T3 đồng ý. Thấy nhóm của X vào quán thì L2 đang ngồi ở quán liền đứng dậy đi ra xe taxi của mình ngồi. Do bị đánh đau nên L2 đã lấy điện thoại di động gọi điện cho bố để L2 là Sái Văn L ra đưa L2 đi viện. Lúc này L đang ở nhà Sái Văn B1, là em con chú ruột của L, sau khi nghe điện thoại của anh L2 thì L nói chuyện lại với B1 là L2 bị đánh và L lấy xe máy để đi. Thấy vậy B1 đi xuống sân giếng nhà mình cầm theo 01 con dao nhọn dài 35cm (chuôi gỗ dài 14cm, lưỡi bằng kim loại màu đen dài 21cm, chỗ rộng nhất 2,8cm) đục vào túi quần trái rồi ra đi cùng L. L điều khiển xe máy chở B1 đi ra gầm cầu gặp L2. Đến nơi thì L đỗ xe bên trái đường theo hướng V đi Đ2 rồi đi bộ sang vị trí xe taxi gặp hỏi L2 bị ai đánh, thì L2 chỉ tay vào X và T3 đang ngồi trong quán nước bảo đó là người đánh anh L2, còn B1 vẫn ngồi trên xe. L đi ra nói chuyện với T3, X thì hai bên có lời qua tiếng lại. T3 thách thức L. Do bức tức L chạy đến chỗ B1 đang đứng tại dải phân cách ở giữa đường, lấy con dao mà B1 đem theo từ nhà mà B1 đang đục dao trong túi quần bên trái của mình. B1 giữ con dao lại không cho L lấy. B1 và L giằng co dao một lúc thì L lấy được con dao của B1. Sau khi lấy được dao L cầm dao trên tay chạy từ vị trí B1 đứng sang bên kia đường vị trí T3, X đang đứng để đánh nhau với T3, X. Khi L chạy đến đứng đối diện cách anh T3, X khoảng 60cm - 70cm, tay phải L cầm dao theo chiều thuận, mũi dao hướng về phía trước, L vung dao lên đâm 01 nhát vào vùng ngực trái của T3, mũi dao trúng vào cánh tay bên trái xuyên thấu vào trong qua hố nách thành ngực trái của T3, làm anh T3 gục xuống đường. Thấy anh T3 bị L đâm gục, X nhặt 01 viên gạch chỉ ở ven đường, cầm ở tay phải đập trúng vào người L, thấy X cầm gạch đánh bố mình, L2 liền cầm 01 gậy rút bằng kim loại ở tay phải chạy đến vụt trúng vào tay phải và vai phải của X, thì X bỏ chạy. Sau khi bị đâm thì anh T3 được X, T5 đưa đi cấp cứu tại Bệnh viện V1 thì bị chết cùng ngày.

Sau khi xảy ra sự việc Cơ quan cảnh sát điều tra - Công an tỉnh Vĩnh Phúc đã tổ chức khám nghiệm hiện trường, khám nghiệm tử thi, kết quả:

1/ Khám nghiệm hiện trường:

Hiện trường nơi xảy ra vụ án trên đường, vỉa hè thuộc quốc lộ 2B, dưới gầm cầu vượt đường cao tốc C1, được trải nhựa, mặt đường phẳng, làn đường có chiều rộng là 7,65m, giữa hai làn đường có giải phân cách cứng. Cầu vượt đường cao tốc C1 có thiết kế gồm 06 chân cầu phía dưới.

Hiện trường cụ thể: Là làn đường, vỉa hè có chiều hướng từ TP V đi huyện Đ2. Quy ước lấy mép đường bên phải của làn đường từ V đi Đ2 làm chuẩn, lấy chân cầu hướng Đông Bắc (trên vỉa hè bên phải của làn đường từ V đi Đ2) làm mốc cố định. Vỉa hè bên phải có KT: dài 37m, rộng 17,5m được đổ bê tông và một phần trải nhựa. Tại vị trí mép vỉa hè và trên mặt vỉa hè phát hiện có 08 vết chất màu nâu đỏ dạng nhỏ giọt, nằm trên diện 05m x 0,8m; điểm đầu nằm trên vỉa hè bên phải cách mép chuẩn 2,2m; cách mốc cố định là 10,02m, điểm cuối nằm trên mép vỉa hè giáp phần đường nhựa ký hiệu số 01 trên sơ đồ hiện trường (vị trí số 1 nằm ở hướng Tây Bắc của vỉa hè bên phải). Tại góc Tây Nam trên vỉa hè bên phải phát hiện đám vết màu nâu đỏ dạng nhỏ giọt hình vòng cung, lưng cung quay về hướng Đông có chiều dài 14,6m, điểm đầu cách mép chuẩn 1,37m và cách mốc cố định 20,6m; điểm cuối của đám vết này nằm trên mặt đường nhựa QL2B làn đường theo hướng từ TP V đi Đ2, có dạng chảy loang nằm trên diện 1,3m x 0,6m, tâm vết này cách mép chuẩn 0,7m và cách đầu vị trí số 01 là 3,6m ký hiệu số 2 trên sơ đồ hiện trường. Trên mặt đường nhựa, làn đường theo hướng từ TP V đi Đ2 phát hiện 01 con dao nằm chệch chéo ra tim đường, chuôi dao cách mép chuẩn là 1,06m và cách mốc cố định 14,7m, đầu dao cách mép chuẩn 1,3m, dao có đặc điểm: Tổng chiều dài 35cm, phần lưỡi dao bằng kim loại dài 21cm, đầu vát nhọn, dao có 01 lưỡi sắc, trên lưỡi dao có bám dính chất màu nâu đỏ, chuôi cầm của dao được làm bằng gỗ; phần rộng nhất của lưỡi dao là 2,8cm, ký hiệu số 3 trên sơ đồ hiện trường.

2/ Khám nghiệm tử thi Nguyễn Việt T3:

Khám ngoài: Các dấu vết tổn thương trên cơ thể: Tóc đen cắt ngắn, 02 mắt khép, 02 nhãn cầu không đập vỡ, đồng tử hai bên giãn tối đa, kết mạc hai bên nhợt. Hai lỗ tai, hai lỗ mũi sạch. Miệng khép, kiểm tra sờ nắn hai cung răng xương hàm không đập gãy. Cánh cẳng tay trái xăm bằng mực màu đen không rõ hình thù. 1/3 trên mặt trước cánh tay trái sát bờ trong đầu dưới cơ đen ta có vết thương nằm dọc, xuyên thấu qua mặt trong, mép vết thương gọn KT: 2,5cm x 1cm, mặt trong cánh tay KT: 2,6cm x 1cm, thấu vào trong qua hố nách thành ngực trái tương ứng với khoang liên sườn 3,4, đường nách giữa vết thương nằm dọc, bờ mép gọn KT: 3,2cm x 1,5cm thấu vào trong khoang ngực, có nhiều máu ở bên trong trào ra ngoài vết thương. Toàn bộ cơ thể dính nhiều dịch máu. Ngoài

ra kiểm tra các nơi khác bên ngoài cơ thể không phát hiện dấu vết tổn thương gì khác.

Kiểm tra sờ nắn bên ngoài xương hộp sọ, xương hàm mặt, xương ức, cung xương sườn 2 bên, khung xương chậu, xương cột sống và hệ thống xương tứ chi không đập gãy. Hậu môn sạch, bộ phận sinh dục ngoài bình thường, 02 tinh hoàn không tổn thương.

Mổ tử thi: Tiến hành rạch da cơ vùng ngực thấy: Tổ chức cân cơ dưới da màu hồng đều, xương ức và cung xương sườn hai bên không tổn thương, trong khoang ngực có khoảng 2000ml dịch máu loãng; mặt trong thành ngực bên trái tương ứng với khoang liên sườn 3, 4 cùng bên có vết thương thấu ngực, bờ mép tụ máu KT: 3,2cm x 0,5cm nằm dọc, mặt trước ngoài thùy trên phổi trái có vết thương thấu vào tổ chức phổi nằm dọc, miệng vết thương gọn, tụ máu dài 3,2cm, rộng 0,5cm, sâu 4cm, rỉ dịch và bọt khí.

3/ Vật chứng và tài sản tạm giữ.

- 01 con dao thu tại hiện trường là dao bị can L dùng đâm anh T3; 02 mẫu chất màu nâu đỏ thu ở vị trí số 1, số 2 tại hiện trường.

- 02 chiếc áo và 01 chiếc quần dài của tử thi.

Các kết luận giám định.

* Tại bản Kết luận giám định pháp y về tử thi số 23/TT ngày 06/02/2017 của Trung tâm pháp y tỉnh Vĩnh Phúc về nguyên nhân tử vong của anh Nguyễn Viết T3 đã kết luận:

- Dấu hiệu qua giám định: Ít vết thương phần mềm 1/3 trên cánh tay trái, thành ngực trái. Chấn thương ngực hở, vết thương thấu ngực, rách thùy phổi trên bên trái, tràn dịch, tràn khí khoang ngực (khoảng 2000ml dịch trong khoang ngực).

- Nguyên nhân tử vong: Sốc mất máu, suy hô hấp không hồi phục.

- Cơ chế hình thành vết thương: Thương tích đã mô tả trên là do hung khí lạnh gây nên, có thể là vật sắc nhọn hướng từ trên xuống dưới, từ ngoài vào trong.

* Cơ quan điều tra đã trưng cầu giám định dấu vết màu nâu đỏ bám dính trên lưỡi con dao thu giữ tại hiện trường. Tại bản Kết luận giám định số: 449/C54(TT3) ngày 01/3/2017 của Viện khoa học hình sự đã kết luận: Trên con dao gửi giám định có bám dính máu của Nguyễn Viết T3.

* Tại bản Kết luận giám định số: 84/PY-XNĐH ngày 22/2/2017 của Viện pháp y quân đội đã kết luận: Mẫu máu của Nguyễn Viết T3 gửi giám định có ethanol, nồng độ 8,1mg/100ml máu. Mẫu máu của Nguyễn Viết T3 không phát hiện thấy các chất ma túy.

Đối với Sái Văn L2 bị Vũ Duy X, Nguyễn Viết T3 dùng chân tay đâm đá phải nằm điều trị tại Bệnh viện đa khoa tỉnh Vĩnh Phúc, sau đó ra viện tiếp tục điều trị ngoại trú tại nhà. L2 đã đề nghị cơ quan điều tra trưng cầu giám định tỷ lệ % thương tích.

* Tại bản kết luận giám định pháp y về thương tích số 116/TT ngày 27/4/2017 của Trung tâm pháp y tỉnh Vĩnh Phúc đối với Sái Văn L2 kết luận:

- Dấu hiệu chính qua giám định: Kiểm tra các nơi tổn thương không để lại dấu vết thương tích gì. Xếp 0%.

- Hiện tại: Kiểm tra các nơi tổn thương không để lại dấu vết thương tích gì nên không đánh giá được cơ chế hình thành vết thương.

4/ Kết quả thực nghiệm điều tra:

Ngày 17/5/2017 cơ quan điều tra đã tổ chức thực nghiệm điều tra cho bị can Sái Văn L diễn lại hành vi phạm tội của mình theo lời khai của L. Kết quả thấy rằng hành vi phạm tội của L phù hợp với lời khai của L và các lời khai nhân chứng khác, phù hợp với thực tế.

5/ Về trách nhiệm dân sự:

- Chị Liễu Thị B (là vợ của anh T3) đại diện cho gia đình người bị hại yêu cầu bị can L phải bồi thường tổng số tiền: 446.000.000đ (Bốn trăm bốn mươi sáu triệu đồng) gồm các khoản sau:

+ Tiền chi phí mai táng cho anh T3: 42.000.000đ.

+ Tiền nuôi con nhỏ anh T3 là cháu Nguyễn Thu A (SN: 2011) đến năm đủ 18 tuổi: 234.000.000đ.

+ Tiền tổn thất tinh thần: 120.000.000đ.

+ Tiền nuôi dưỡng bố mẹ già không có khả năng lao động: 50.000.000đ.

Đến nay bị can L đã bồi thường được cho gia đình người bị hại 80.000.000 đồng.

- Sái Văn L2 bị Vũ Duy X, Nguyễn Viết T3 dùng chân tay đâm đá bị thương phải nằm điều trị tại Bệnh viện đa khoa tỉnh Vĩnh Phúc, sau đó ra viện tiếp tục điều trị ngoại trú tại nhà. L2 yêu cầu X phải bồi thường tổng số tiền: 40.000.000đ (Bốn mươi triệu đồng) gồm các khoản sau:

+ Tiền cấp cứu điều trị tại Bệnh viện đa khoa tỉnh: 3.000.000đ.

+ Tiền mua thuốc điều trị ngoại trú: 4.000.000đ.

+ Tiền công lao động của anh L2 trong 90 ngày không lao động được phải nghỉ ở nhà: 18.000.000đ.

+ Tiền tổn thất tinh thần: 15.000.000đ.

X không đồng ý bồi thường theo yêu cầu của anh L2.

- Anh Vũ Duy X bị Sái Văn L2 cầm gậy rút 3 khúc bằng kim loại đánh, nH6 do thương tích nhẹ, nên không có đề nghị gì.

- Bị can Sái Văn L bị Vũ Duy X cầm gạch đánh bị thương nhẹ, nên không có đề nghị gì.

Tại Cáo trạng số: 42/KSĐT- P1 ngày 23/6/2017, Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Vĩnh Phúc đã truy tố Sái Văn L về tội “Giết người” theo khoản 2 Điều 93 của Bộ luật hình sự.

Tại phiên tòa, bị cáo Sái Văn L khai nhận như đã khai tại Cơ quan điều tra, xin Hội đồng xét xử xem xét giảm nhẹ hình phạt.

Người đại hợp pháp của người bị hại, chị Liễu Thị B đề nghị Hội đồng xét xử bị cáo theo qui định của pháp luật. Buộc bị cáo phải bồi thường cho gia đình chị 42.000.000 đồng chi phí cho việc mai táng phí và 234.000.000 đồng tiền nuôi con anh T3 và 120.000.000 đồng tổn thất tinh thần. Hiện gia đình bị cáo đã bồi thường cho gia đình chị 80.000.000 đồng.

Đại diện Viện kiểm sát luận tội đối với bị cáo, giữ nguyên quyết định truy tố như Cáo trạng. Căn cứ khoản 2 Điều 93; điểm p khoản 1, khoản 2 Điều 46 Bộ luật hình sự, căn cứ vào tính chất, mức độ phạm tội, các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự và nhân thân của người phạm tội, đề nghị Hội đồng xét xử xử phạt bị cáo Sái Văn L từ 12 đến 14 năm tù. Ngoài ra còn đề nghị buộc bị cáo phải bồi thường cho người bị hại tiền mai tang phí, tiền tổn thất về tinh thần như đề nghị của đại diện người bị hại; tiền cấp dưỡng nuôi con anh T3 từ 800.000 đồng đến 1.000.000 đồng/tháng.

Người bào chữa cho các bị cáo, Luật sư Nguyễn Đào T2 và Luật sư Dương Văn H2 cho rằng: Các Cơ quan tiến hành tố tụng điều tra, truy tố bị cáo Sái Văn L về tội “Giết người” là có căn cứ, đúng pháp luật. Tuy nhiên, qua quá trình điều tra và tại phiên tòa, đề nghị Tòa áp dụng các điểm b, p, đ, s khoản 1, khoản 2 Điều 46 Bộ luật hình sự. Về tình tiết bị cáo hoàn thành xuất sắc nhiệm vụ trong quân ngũ được ghi trong lý lịch quân nhân của bị cáo, bố bị cáo là người có công với nước với thành tích tham gia 17 trận đánh giặc cũng được ghi trong lý lịch của ông Sái Văn T1. Do đó đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng Điều 47 BLHS để xem xét xử bị cáo mức án tù dưới mức thấp nhất của khung hình phạt.

Căn cứ vào các chứng cứ và tài liệu đã được thẩm tra tại phiên tòa; căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa trên cơ sở xem xét đầy đủ, toàn diện chứng cứ, ý kiến của Kiểm sát viên, bị cáo, người đại diện hợp pháp của người bị hại, người bào chữa và những người tham gia tố tụng khác,

XÉT THẤY

Lời khai nhận tội của bị cáo tại Cơ quan điều tra cũng như tại phiên tòa phù hợp với nhau, phù hợp lời khai của người đại diện hợp pháp của người bị hại, người làm chứng về thời gian, địa điểm, thủ đoạn, mục đích, động cơ phạm tội và hậu quả do tội phạm gây ra, cùng các tang vật đã thu giữ, các tài liệu chứng cứ khác được thu thập khách quan đúng pháp luật có trong hồ sơ vụ án. Do đó có đủ căn cứ để kết luận:

Khoảng 13 giờ 00 phút ngày 27/01/2017, tại gầm cầu vượt đường cao tốc C1 QL2B thuộc thôn H5, xã K, huyện D, tỉnh Vĩnh Phúc. Xuất phát từ việc Nguyễn Việt T3 và Vũ Duy X có hành vi dùng chân, tay không đánh Sái Văn L2, L2 đã điện thoại cho Sái Văn L là bố đẻ của L2 đã đến xô sát với T3 và X.

T3 đã thách thức đánh nhau với L. L đã cầm dao nhọn dài 35cm (chuôi gỗ dài 14cm, lưỡi bằng kim loại màu đen dài 21cm, chỗ rộng nhất 2,8cm) ở tay phải theo chiều thuận, mũi dao hướng về phía trước đâm vào hốc nách T3, mũi dao đã trúng vào cánh tay bên trái xuyên thấu vào trong qua hốc nách thành ngực trái của T3, vết thương thấu ngực vào phổi anh T3, hậu quả làm anh T3 sốc mất máu, suy hô hấp không hồi phục dẫn đến tử vong.

Hành vi nêu trên của Sái Văn L là rất nghiêm trọng, bất chấp pháp luật, coi thường tính mạng người khác được pháp luật bảo vệ. Chỉ vì bệnh con, L đã dùng dao là hung khí nguy hiểm đâm vào hốc nách, thấu phổi không thể cứu chữa được, tước đoạt mạng sống của anh T3, gây mất trật tự trị an trong xã hội, gây đau thương tang tóc cho gia đình nạn nhân, ảnh hưởng xấu đến tình hình trật tự trị an xã hội tại địa P, làm quần chúng nhân dân lên án và bất bình. Hành vi phạm tội nêu trên của Sái Văn L đã phạm vào tội “Giết người” theo khoản 2 Điều 93 BLHS năm 1999, khoản 2 Điều 93 BLHS quy định "2. Phạm tội không thuộc các trường hợp quy định tại khoản 1 Điều này, thì bị phạt tù từ bảy năm đến mười lăm năm", cần phải được xử lý nghiêm minh trước pháp luật.

Hậu quả tội phạm bị cáo L gây ra rất nặng nề cho gia đình anh T3 lẽ ra bị cáo phải chịu hình phạt cao của khung hình phạt đã quy định, xem xét tổng thể các tình tiết của vụ án, Hội đồng xét xử thấy: Trong vụ án này, bị cáo L không có tình tiết tăng nặng. Tại phiên tòa bị cáo tỏ ra ăn năn hối cải, thành khẩn khai báo, bị cáo được hưởng tình tiết giảm nhẹ quy định tại điểm p khoản 1 Điều 46 BLHS; gia đình bị cáo đã tự nguyện bồi thường 80.000.000 đồng cho gia đình bị hại mà bị cáo không tác động gì gia đình, theo quy định tại tiểu mục 1.2 Điều 1 của Nghị quyết số 01/2006/NQ - HĐTP ngày 12/5/2006 của Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân Tối cao thì: Đối với các trường hợp được hướng dẫn tại các điểm đ và e tiểu mục 1.1 mục 1 này mà bị cáo không có việc tác động, đề nghị cha, mẹ hoặc người khác sửa chữa, bồi thường thiệt hại, khắc phục hậu quả, nếu những người này tự nguyện sửa chữa, bồi thường thiệt hại, khắc phục hậu quả do hành vi phạm tội của bị cáo gây ra thì bị cáo chỉ được hưởng tình tiết giảm nhẹ quy định tại khoản 2 Điều 46 của Bộ luật hình sự. (Lời khai, bản cung, kiểm điểm của bị cáo từ BL 92 đến 139) không thể hiện bị cáo tác động gì với gia đình bị cáo, do vậy bị cáo được hưởng tình tiết giảm nhẹ quy định tại khoản 2 Điều 46 Bộ luật hình sự. Nguyên nhân xảy ra vụ án một phần do người bị hại và anh Vũ Duy X đã vô cớ đánh anh Sái Văn L2, anh L2 điện thoại gọi bố là L ra để đưa L2 đi bệnh viện, khi L ra gặp anh X và anh T3 thì hai bên xô sát nhau, anh X và anh T3 có lời thách thức bị cáo, L đã bức xúc không kìm chế được bản thân và dùng dao đâm anh T3 tử vong. Do vậy Hội đồng xét xử thấy cần thiết tuyên cho bị cáo mức án tù tương xứng hành vi phạm tội của bị cáo gây ra để bị cáo cải tạo trở thành người tốt cho xã hội. Các tình tiết giảm nhẹ khác mà Luật sư nêu ra như bố bị cáo có công với nước, bị cáo có thành tích xuất sắc chỉ ghi

trong lý lịch là không đủ căn cứ theo quy định vì nếu có thành tích xuất sắc thì phải được Nhà nước ghi nhận bằng Bằng khen, các Huân Huy chương... trở lên; tình tiết quy định tại điểm đ khoản 1 Điều 46 Bộ luật hình sự thì bị cáo L năm nay 53 tuổi, là tổ trưởng tổ liên gia thôn, là an ninh thôn khi gặp tình huống con bị người khác đánh mà bị kích động đến mức cầm dao đâm chết người khác là không có căn cứ, quan điểm của Luật sư về các tình tiết giảm nhẹ nêu trên và đề nghị áp dụng Điều 47 không được Hội đồng xét xử chấp nhận.

Về trách nhiệm dân sự: Tại phiên tòa người đại diện hợp pháp của người bị hại đã vẫn giữ nguyên yêu cầu buộc bị cáo phải bồi thường cho bị hại tổng số: 446.000.000 đồng, công nhận gia đình bị cáo đã bồi thường được 80.000.000 đồng. Bị cáo L đề nghị Tòa án giải quyết theo pháp luật.

Từ nhận xét bên trên về nguyên nhân dẫn đến việc L dùng dao đâm anh T3, làm anh T3 tử vong (một phần do bị hại), Hội đồng xét xử thấy: Qua xác minh của cơ quan điều tra chi phí cho một đám tang bình thường ở địa phương trong huyện D khoảng 35.000.000 đồng, nay Hội đồng xét xử buộc bị cáo chịu 25.000.000 đồng; tiền tổn thất về tinh thần cho hàng thừa kế thứ nhất của anh T3: theo quy định tại Điều 591 Bộ luật Dân sự thì: Mức bồi thường bù đắp tổn thất về tinh thần do các bên thỏa thuận; nếu không thỏa thuận được thì mức tối đa cho một người có tính mạng bị xâm phạm không quá một trăm lần mức lương cơ sở do Nhà nước quy định. Như nhận xét trên nguyên nhân dẫn đến vụ án một phần do lỗi của bị hại nên Hội đồng xét xử chỉ chấp nhận buộc bị cáo bồi thường mức bồi thường bù đắp về tinh thần 70.000.000 đồng là phù hợp. Tổng số 95.000.000 đồng được trừ 80.000.000 đồng đã bồi thường, còn phải bồi thường 15.000.000 đồng; buộc bị cáo bồi thường tiền cấp dưỡng nuôi con của anh T3 đối với cháu Nguyễn Thu An sinh ngày 23/10/2011, được tính bằng $\frac{1}{2}$ tháng lương tối thiểu theo quy định của Nhà nước (1.300.000 đồng/tháng/2 bằng 650.000 đồng/tháng); thời hạn cấp dưỡng tính từ tháng 01/2017 cho đến khi cháu An đủ 18 tuổi. Đối với yêu cầu cấp dưỡng cho bố mẹ anh T3: Bố anh T3 là ông Nguyễn Viết S sinh năm 1959, mẹ anh T3 là bà Lại Thị X1 sinh năm 1963, bố mẹ anh T3 đều vẫn khỏe mạnh, vẫn sinh sống bình thường, không ở cùng vợ chồng anh T3 chưa cần sự cấp dưỡng của anh T3. Do vậy Hội đồng xét xử không chấp nhận yêu cầu được cấp dưỡng nuôi bố mẹ già của đại diện người bị hại.

Về yêu cầu của anh Sái Văn L2 bị anh Vũ Duy X và Nguyễn Viết T3 đánh. Xác định anh X và anh T3 vô cớ đánh anh L2 làm cho anh L2 bị đau và phải đi viện. Anh T3 và anh X phải bồi thường toàn bộ thiệt hại của anh L2. Nay anh T3 bị chết, anh X phải bồi thường cho thiệt hại cho anh L2 theo quy định tại Điều 590 Bộ luật dân sự. Theo yêu cầu của anh L2: tiền thuốc điều trị ở bệnh viện là 3 triệu đồng, tiền thuốc mua ngoài là 4 triệu đồng không có hóa đơn chứng từ gì; trong bệnh án và thanh toán viện phí của Bệnh viện Đa khoa Vĩnh Phúc (BL 278, 279) tiền viện phí và tiền thuốc của anh L2 là 777.490 đồng, khoản này được Hội đồng xét xử

chấp nhận; tiền một ngày nằm viện (27/01 đến 28/01/2017) và một người nuôi bằng 02 ngày x 200.000 đồng/ngày = 400.000 đồng; tiền nghỉ trong 15 ngày tiếp theo x 200.000đồng bằng 3.000.000 đồng. Với thương tích 0% của thanh niên như anh L2 sau khi điều trị vết thương vẫn hoạt động bình thường, không ảnh hưởng gì đến tinh thần nên yêu cầu bồi thường tổn thất về tinh thần không được Hội đồng xét xử chấp nhận. Tổng số tiền anh X phải bồi thường cho anh L2 là 4.177.490 đồng.

Sau khi án có hiệu lực pháp luật người được thi hành án có đơn xin thi hành án, người phải thi hành án không nộp tiền bồi thường cho người được thi hành án thì hàng tháng người phải thi hành án còn phải chịu lãi xuất đối với khoản tiền chưa thi hành án theo quy định của pháp luật.

Về xử lý tang vật: Áp dụng Điều 41 BLHS năm 1999, điều 76 BLTTHS năm 2003: tịch thu tiêu hủy 01 con dao nhọn dài 35cm (hung khí gây án), 02 áo, 01 quần dài không còn giá trị sử dụng.

Như vậy quan điểm của đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Vĩnh Phúc tại phiên tòa về hình phạt đối với bị cáo được Hội đồng xét xử chấp nhận.

Về án phí: Bị cáo phải chịu tiền án phí hình sự sơ thẩm; bị cáo và anh Vũ Văn X phải chịu án phí dân sự theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH

Tuyên bố: Bị cáo Sái Văn L phạm tội “Giết người”.

Áp dụng khoản 2 Điều 93; điểm p khoản 1, khoản 2 Điều 46 Bộ luật hình sự: Xử phạt bị cáo Sái Văn L 12 (mười hai) năm tù. Thời hạn tù tính từ ngày bắt tạm giam là ngày 27/01/2017.

Áp dụng Điều 42 Bộ luật hình sự; Điều 590, 591 của Bộ luật dân sự.

Buộc bị cáo Sái Văn L bồi thường cho đại diện người bị hại 95.000.000 đồng gồm tiền mai táng phí, và tiền tổn thất về tinh thần, gia đình bị cáo đã bồi thường 80.000.000 đồng, bị cáo còn phải bồi thường 15.000.000đ (mười lăm triệu đồng). Buộc bị cáo Sái Văn L phải cấp dưỡng nuôi cháu Nguyễn Thu A sinh ngày 23/10/2011 (con của anh T3) mỗi tháng 650.000đ (Sáu trăm năm mươi nghìn đồng) kể từ tháng 01/2017 đến khi cháu An đủ 18 tuổi.

Buộc anh Vũ Duy X bồi thường cho anh Sái Văn L2 4.177.490đ (Bốn triệu một trăm bảy mươi bảy nghìn bốn trăm chín mươi đồng).

Kể từ ngày người được thi hành án có đơn yêu cầu thi hành án, số tiền nêu trên người phải thi hành án không trả được, thì hàng tháng còn phải trả tiền lãi đối với số tiền chậm trả theo quy định tại Điều 357 Bộ luật dân sự năm 2015.

Áp dụng Điều 41 Bộ luật hình sự; Điều 76 Bộ luật tố tụng hình sự, tịch thu tiêu hủy 01 con dao nhọn dài 35cm (hung khí gây án), 02 áo, 01 quần dài không còn giá trị sử dụng.

(Đặc điểm vật chứng như biên bản giao nhận vật chứng ngày 30/6/2017 giữa cơ quan Cảnh sát điều tra Công an tỉnh Vĩnh Phúc và Cục thi hành án dân sự tỉnh Vĩnh Phúc).

Áp dụng Điều 99 Bộ luật tố tụng hình sự; Pháp lệnh án phí, lệ phí Tòa án, Buộc Sái Văn L phải chịu 200.000đ (Hai trăm nghìn đồng) án phí hình sự sơ thẩm và 750.000đ (Bảy trăm năm mươi nghìn đồng) án phí dân sự trong vụ án hình sự. Buộc Sái Văn L phải chịu 300.000đ (Ba trăm nghìn đồng) tiền án phí cấp dưỡng nuôi con.

Buộc anh Vũ Duy X phải chịu 208.874,5đ (Hai trăm L2 tám nghìn, tám trăm bảy tư phẩy năm đồng) án phí dân sự đối với số tiền phải bồi thường cho anh L2.

Trường hợp Bản án, Quyết định được thi hành án theo qui định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc cưỡng chế thi hành án theo qui định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo qui định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Bị cáo, người đại diện hợp pháp của người bị hại, người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan có mặt quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:

- Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Vĩnh Phúc;
- Sở Tư pháp tỉnh Vĩnh Phúc;
- Công an tỉnh Vĩnh Phúc;
- Trại tạm giam Công an tỉnh Vĩnh Phúc;
- Cục thi hành án dân sự tỉnh Vĩnh Phúc;
- Người tham gia tố tụng;
- Thi hành án hình sự;
- Lưu hồ sơ, Tòa hình sự, văn phòng.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa

(đã ký)

Lê Duy Giá